

CÔNG TY TNHH DVYT
VÀ TM HUỆ LINH
PKĐK Y CAO HOA HỒNG
Số: 19/Tr-YCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Công bố Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Nam

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y Tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-SYT ngày 10 tháng 09 năm 2024 của Sở Y tế về việc cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng;

Căn cứ giấy phép hoạt động số 00104/HNA-GPHĐ cấp lại ngày 17 tháng 06 năm 2024 của Sở Y tế Hà Nam về việc cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng;

Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc đôn đốc thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

Căn cứ tình hình thực tế của Phòng khám về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và phạm vi hoạt động chuyên môn; Phòng khám đủ điều kiện là cơ sở thực hành theo các quy định của Luật khám chữa bệnh.

Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng trân trọng kính trình và đề nghị Sở Y tế quan tâm xem xét và công bố Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng là cơ sở thực hành theo quy định(Có Bản công bố, Kế hoạch hướng dẫn thực hành và nội dung thực hành kèm theo).

Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng kính trình và trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HCNS.



GIÁM ĐỐC
BS. Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY TNHH DVYT
VÀ TM HUỆ LINH
PKĐK Y CAO HÒA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/BCB-YCHH

Hà Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Nam

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng

Số giấy phép hoạt động: 00104/HNA-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 04 năm 2019.

Địa chỉ: TDP Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Thị Huệ

Điện thoại liên hệ: 0902.076.131

Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Chức danh kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề xét nghiệm Y học
- Chức danh kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề hình ảnh Y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

STT	Họ và tên	Số CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
1	Nguyễn Thị Huệ	000104/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ - Sản
2	Nguyễn Văn Huy	0006449/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Nhi khoa. Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Quyết định số: 189/QĐ-SYT do Sở Y tế tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/03/2019 về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
3	Lại Hồng Diện	000541/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng



4	Trịnh Tất Thắng	001356/HNA-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội không làm thủ thuật chuyên khoa. Quyết định số: 431/QĐ-SYT ngày 07/09/2015 do Sở Y tế tỉnh Hà Nam cấp về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa Gây mê hồi sức Quyết định số: 660/QĐ-SYT ngày 04/12/2015 do Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, phạm vi bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại Sản.
5	Nguyễn Thị Hoa Mai	0001973/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt
6	Phạm Ngọc Hân	0003901/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
7	Trần Thị Huyền	0003900/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
8	Vũ Thị Thắm	0003692/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu
9	Nguyễn Ngọc Hân	001035/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa
10	Vũ Thị Hằng	0002023/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa-KHHGD
11	Trần Văn Linh	0003573/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
12	Trần Văn Viện	000819/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội-Nhi; Chứng chỉ khám bệnh nghề nghiệp
13	Nguyễn Thị Chiên	033755/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa siêu âm, Xquang chẩn đoán
14	Ngô Văn Đường	003020/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
15	Nguyễn Thị Lan Anh	0001814/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
16	Dương Thế Hà	0003687/HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ
17	Nguyễn Ánh Ngọc	0004010/HNA-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm
18	Nguyễn Văn Nhật	0003936/HNA-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo QĐ tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày

			27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của Bác sĩ, bác sĩ dự phòng và y sĩ
19	Phạm Văn Quang	0003995/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
20	Nguyễn Trọng Đức	0004024/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
21	Vũ Nguyệt Hạ	0004132/HNA-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm
22	Phạm Thị Anh Đào	022376/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản-KHHGD
23	Trần Quang Huy	001278/HNA-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh
24	Lê Văn Tuấn	0002103/-HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
25	Ngô Văn Công	0002055/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
26	Phạm Công Quyết	0001966/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
27	Vũ Văn Bảo	0002107/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác(nếu có)

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

Y sĩ: 50 người.

Kỹ thuật viên: 50 người

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 500.000 đồng/ người/ tháng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế tỉnh Hà Nam xem xét, đăng tải thông tin công bố Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng là cơ sở hướng dẫn thực hành.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

BS. Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY TNHH DVYT
VÀ TM HUỆ LINH
PKĐK Y CAO HOA HỒNG
Số: 18../KHTH-YCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành đối với Y sỹ và Kỹ thuật viên

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-SYT ngày 10 tháng 09 năm 2024 của Sở Y tế về việc cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng;

Căn cứ giấy phép hoạt động số 00104/HNA-GPHĐ cấp lại ngày 17 tháng 06 năm 2024 của Sở Y tế Hà Nam về việc cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng;

Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc đơn đốc thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Đối với y sỹ: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho y sỹ đa khoa theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Phòng khám được Sở Y tế phê duyệt.
- Đối với kỹ thuật viên: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho kỹ thuật viên theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Phòng khám được Sở Y tế phê duyệt.
- Trong thời gian học thực hành chuyên môn phải được tập huấn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng 20 tiết (mỗi buổi 4 tiết)

2. Yêu cầu:



- Người thực hành được khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Số lượng đối tượng thực hành đơn vị tiếp nhận trong năm

- Y sĩ : 50 người

- Kỹ thuật y: 50 người

2. Thời gian học thực hành tại các bộ phận:

- Y sĩ : Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh y sĩ là 09 tháng trong đó:

- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 06 tháng tại các bộ phận khám bệnh tại phòng khám

- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 03 tháng tại bộ phận HSCC

- Kỹ thuật y : Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh Kỹ thuật y là 06 tháng trong đó:

- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 05 tháng

- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 01 tháng

3. Danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành: Danh sách đính kèm

4. Nội dung hướng dẫn thực hành: Đính kèm

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Hành chính – Nhân sự.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho người học thực hành.

- Tham mưu Giám đốc cấp giấy xác nhận thực hành sau khi người học thực hành sau khi người học thực hành kết thúc thời gian học thực hành.

- Tập huấn các nội dung liên quan đến quy chế chuyên môn.
- Lập danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành và phân công người hướng dẫn thực hành.
- Giới thiệu người học thực hành với bộ phận, phòng và người hướng dẫn thực hành theo quyết định.
- Đầu mối tiếp nhận và hướng dẫn người học thực hành làm hồ sơ và tổng hợp danh sách người thực hành gửi Sở Y tế.
- Xây dựng kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 tiết (mỗi buổi 4 tiết).
- Theo dõi, chấm công người học thực hành tại các bộ phận.

2. Các bộ phận, phòng có liên quan

- Tiếp nhận người hướng dẫn thực hành.
- Tạo điều kiện cho người thực hành hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

3. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của đơn vị.
- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi và đánh giá, nhận xét kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

4. Người thực hành.

- Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.



- Người thực hành không được tự ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được hướng dẫn thực hành cho phép.

- Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành đối với các chức danh chuyên môn y tế của Phòng khám đa khoa Y Cao Hoa Hồng, đề nghị các bộ phận, phòng nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (đề Báo cáo);
- Ban lãnh đạo phòng khám;
- Các bộ phận, phòng;
- Lưu: HCNS.



GIÁM ĐỐC
BS. Nguyễn Thị Huệ

NỘI DUNG THỰC HÀNH CÁC CHỨC DANH

DANH MỤC KỸ THUẬT			CHỨC DANH		
			Y sỹ	KTV	
				HA Y học	XN Y học
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHÔNG ĐỘC			
		A. TUẦN HOÀN			
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ			
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x		
3	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x		
		B. HỒ HẤP			
4	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x		
5	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x		
6	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x		
7	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x		
8	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x		
9	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x		
10	66	Đặt ống nội khí quản	x		
11	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x		
12	85	Vận động trị liệu hô hấp	x		
13	88	Làm ẩm đ-ường thở qua máy phun sự-ong mù	x		
14	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x		
		Đ. TIÊU HOÁ			
15	221	Thụt tháo	x		
16	222	Thụt giữ	x		
		E. TOÀN THÂN			
17	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x		
18	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x		
19	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x		
20	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x		
21	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x		
22	275	Băng bó vết thương	x		
23	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x		
24	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x		
		II. NỘI KHOA			
		A. HỒ HẤP			
25	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x		
26	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x		
27	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x		
28	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x		
29	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x		
30	68	Vận động trị liệu hô hấp	x		
		B. TIM MẠCH			
31	85	Điện tim thường	x		
		Đ. TIÊU HÓA			
32	244	Đặt ống thông dạ dày	x		
33	247	Đặt ống thông hậu môn	x		
34	339	Thụt tháo phân	x		

		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)			
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy			
35	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng		x	
36	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng		x	
37	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao		x	
38	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến		x	
39	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng		x	
40	72	Chụp Xquang Blondeau		x	
41	73	Chụp Xquang Hirtz		x	
42	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên		x	
43	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến		x	
44	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng		x	
45	77	Chụp Xquang Chausse III		x	
46	78	Chụp Xquang Schuller		x	
47	79	Chụp Xquang Stenvers		x	
48	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm		x	
49	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)		x	
50	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)		x	
51	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)		x	
52	85	Chụp Xquang mỏm trâm		x	
53	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng		x	
54	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên		x	
55	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế		x	
56	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2		x	
57	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch		x	
58	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng		x	
59	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên		x	
60	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng		x	
61	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn		x	
62	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze		x	
63	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		x	
64	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên		x	
65	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng		x	
66	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch		x	
67	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng		x	
68	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch		x	
69	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng		x	
70	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng		x	
71	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch		x	
72	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)		x	
73	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng		x	
74	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch		x	
75	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch		x	
76	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên		x	
77	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng		x	
78	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng		x	
79	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch		x	
80	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè		x	
81	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng		x	
82	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéch		x	

83	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch		x	
84	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng		x	
85	119	Chụp Xquang ngực thẳng		x	
86	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên		x	
87	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng		x	
88	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch		x	
89	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn		x	
90	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng		x	
91	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng		x	
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU			
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU			
92	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động			x
93	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay			x
94	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.			x
95	9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động			x
96	10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công			x
97	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động			x
98	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy			x
99	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)			x
100	22	Nghiệm pháp dây thắt	x		x
101	24	Bán định lượng D-Dimer			x
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC			
102	92	Đo huyết sắc tố niệu			x
103	117	Định lượng sắt huyết thanh			x
		C. TẾ BÀO HỌC			
104	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)			x
105	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)			x
106	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)			x
107	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)			x
108	136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu			x
109	137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ			x
110	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)			x
111	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)			x
112	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)			x
113	143	Máu lắng (bằng máy tự động)			x
114	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)			x
115	151	Cặn Addis			x
116	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công			x
117	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động			x
118	154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học			x
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU			
119	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu			x

120	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương			x
121	291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)			x
122	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)			x
		XXIII. HÓA SINH			
		A. MÁU			
123	3	Định lượng Acid Uric			x
124	7	Định lượng Albumin			x
125	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)			x
126	10	Đo hoạt độ Amylase			x
127	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)			x
128	20	Đo hoạt độ AST (GOT)			x
129	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp			x
130	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp			x
131	27	Định lượng Bilirubin toàn phần			x
132	29	Định lượng Calci toàn phần			x
133	30	Định lượng Calci ion hóa			x
134	40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)			x
135	41	Định lượng Cholesterol toàn phần			x
136	45	Định lượng C-Peptid			x
137	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)			x
138	51	Định lượng Creatinin			x
139	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)			x
140	75	Định lượng Glucose			x
141	76	Định lượng Globulin			x
142	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)			x
143	83	Định lượng HbA1c			x
144	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)			x
145	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)			x
146	128	Định lượng Phospho			x
147	133	Định lượng Protein toàn phần			x
148	143	Định lượng Sắt			x
149	158	Định lượng Triglycerid			x
150	166	Định lượng Urê			x
		B. NƯỚC TIỂU			
151	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)			x
152	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)			x
153	174	Định lượng Amphetamine			x
154	175	Đo hoạt độ Amylase			x
155	176	Định lượng Axit Uric			x
156	179	Định tính beta hCG (test nhanh)			x
157	180	Định lượng Canxi			x
158	184	Định lượng Creatinin			x
159	185	Định lượng Dưỡng chấp			x
160	186	Định tính Dưỡng chấp			x
161	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)			x
162	193	Định tính Opiate (test nhanh)			x
163	194	Định tính Morphine (test nhanh)			x
164	195	Định tính Codein (test nhanh)			x
165	196	Định tính Heroin (test nhanh)			x
166	197	Định lượng Phospho			x

167	198	Định tính Phospho hữu cơ			X
168	199	Định tính Porphyrin			X
169	201	Định lượng Protein			X
170	202	Định tính Protein Bence -jones			X
171	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)			X
		E. DỊCH CHỌC DỒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)			
172	220	Phản ứng Rivalta			X
173	221	Định lượng Triglycerid			X
174	222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò			X
		XXIV. VI SINH			
		A. VI KHUẨN			
		1. Vi khuẩn chung			
175	1	Vi khuẩn nhuộm soi			X
176	2	Vi khuẩn test nhanh			X
177	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường			X
178	6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính			X
179	16	Vi hệ đường ruột			X
		2. Mycobacteria			
180	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen			X
181	18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang			X
182	21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux			X
183	28	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert			X
184	39	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi			X
		3. Vibrio cholerae			
185	42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi			X
186	43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi			X
		4. Neisseria gonorrhoeae			
187	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi			X
		5. Neisseria meningitidis			
188	56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi			X
		6. Các vi khuẩn khác			
189	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh			X
190	73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh			X
191	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh			X
192	80	<i>Leptospira</i> test nhanh			X
193	85	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh			X
194	93	<i>Salmonella</i> Widal			X
195	94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO			X
196	95	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi			X
197	96	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi			X
198	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh			X
		B. VIRUS			
		2. Hepatitis virus			
199	117	HBsAg test nhanh			X
200	130	HBeAg test nhanh			X
201	133	HBeAb test nhanh			X
202	144	HCV Ab test nhanh			X
203	155	HAV Ab test nhanh			X
204	163	HEV Ab test nhanh			X
205	164	HEV IgM test nhanh			X

		3. HIV			
206	169	HIV Ab test nhanh			X
207	170	HIV Ag/Ab test nhanh			X
		4. Dengue virus			
208	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh			X
209	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh			X
		6. Enterovirus			
210	225	EV71 IgM/IgG test nhanh			X
		7. Các virus khác			
211	243	Influenza virus A, B test nhanh			X
212	249	Rotavirus test nhanh			X
		C. KÝ SINH TRÙNG			
		1. Ký sinh trùng trong phân			
213	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi			X
214	264	Hồng cầu trong phân test nhanh			X
215	265	Đơn bào đường ruột soi tươi			X
216	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi			X
217	267	Trứng giun, sán soi tươi			X
218	268	Trứng giun soi tập trung			X
219	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi			X
220	270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh			X
		3. Ký sinh trùng ngoài da			
221	305	<i>Demodex</i> soi tươi			X
222	306	<i>Demodex</i> nhuộm soi			X
223	307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi			X
224	308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi			X
225	309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi			X
226	310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi			X
		4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác			
227	311	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết			X
228	312	<i>Gnathostoma</i> ấu trùng soi mảnh sinh thiết			X
229	314	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh			X
230	315	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết			X
231	316	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết			X
232	317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi			X
233	318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi			X
		D. VI NẤM			
234	319	Vi nấm soi tươi			X
235	320	Vi nấm test nhanh			X
236	321	Vi nấm nhuộm soi			X
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN			
		A. KỸ THUẬT CHUNG			
237	1	Mai hoa châm	X		
238	2	Hào châm	X		
239	3	Mãng châm	X		
240	4	Nhĩ châm	X		
241	5	Điện châm	X		
242	6	Thủy châm	X		
243	7	Cấy chỉ	X		
244	8	Ôn châm	X		
245	9	Cứu	X		
246	10	Chích lễ	X		

247	12	Từ châm	x		
248	20	Xông hơi thuốc	x		
249	21	Xông khói thuốc	x		
250	22	Sắc thuốc thang	x		
251	23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x		
252	24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x		
253	25	Đặt thuốc YHCT	x		
254	26	Bỏ thuốc	x		
255	27	Chườm ngải	x		
256	28	Luyện tập dưỡng sinh	x		
		H. XOA BÓP BẮM HUYỆT			
257	389	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x		
258	390	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x		
259	391	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x		
260	392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x		
261	393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x		
262	394	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x		
263	395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x		
264	396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x		
265	397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x		
266	398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x		
267	399	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x		
268	400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x		
269	401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x		
270	402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x		
271	403	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x		
272	404	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x		
273	405	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x		
274	406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x		
275	407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x		
276	408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x		
277	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x		
278	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x		
279	411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x		
280	412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x		
281	413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x		
282	414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x		
283	415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x		
284	416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x		
285	417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	x		
286	418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	x		
287	419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x		
288	420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x		
289	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x		
290	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x		
291	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x		
292	424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x		
293	425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x		
294	426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x		
295	427	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc	x		
296	428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x		
297	429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	x		

298	430	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x		
299	431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x		
300	432	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x		
301	433	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt	x		
302	434	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x		
303	435	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	x		
304	436	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	x		
305	437	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh	x		
306	438	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x		
307	439	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	x		
308	440	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	x		
309	441	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	x		
310	442	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng	x		
311	443	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x		
312	444	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	x		
313	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x		
314	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x		
315	447	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x		
316	448	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x		
317	449	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	x		
318	450	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng phân ly	x		
		K. GIÁC HƠI	x		
319	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x		
320	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x		
321	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x		
322	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng thuộc Công ty TNHH dịch vụ y tế và thương mại Huệ Linh

2. Địa chỉ: TDP Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:¹ Từ 7h00 đến 20h30 các ngày từ thứ 2 đến chủ nhật.

4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Thị Huệ	000104/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ - Sản	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Giám đốc Công ty; Phụ trách chuyên môn phòng khám; phụ trách Bộ phận khám Sản phụ khoa
2	Nguyễn Văn Huy	0006449/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Nhi khoa. Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Quyết định số: 189/QĐ-SYT do Sở Y tế tỉnh Hải Dương cấp ngày 20/03/2019 về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Phụ trách khoa Mắt
3	Lại Hồng Diễm	000541/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách Bộ phận Tai Mũi Họng
4	Trịnh Tất Thắng	001356/HNA-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội không làm thủ thuật chuyên khoa. Quyết định số: 431/QĐ-SYT ngày 07/09/2015 do Sở Y	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Phụ trách Bộ phận Ngoại



			tế tỉnh Hà Nam cấp về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa Gây mê hồi sức Quyết định số: 660/QĐ-SYT ngày 04/12/2015 do Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, phạm vi bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Ngoại Sản.		
5	Nguyễn Thị Hoa Mai	0001973/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	7h00-17h00; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách Bộ phận Răng hàm mặt.
6	Phạm Ngọc Hân	0003901/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, nhân viên Bộ phận YHCT
7	Trần Thị Huyền	0003900/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, nhân viên Bộ phận YHCT
8	Vũ Thị Thắm	0003692/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách Bộ phận Da liễu
9	Nguyễn Ngọc Hân	001035/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách Bộ phận Nội
10	Vũ Thị Hằng	0002023/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa-KHHGD	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Y sĩ, nhân viên Bộ phận Sản
11	Trần Văn Linh	0003573/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Phụ trách Bộ phận YHCT
12	Trần Văn Viện	000819/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội-Nhi; Chứng chỉ khám bệnh nghề nghiệp	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Phụ trách Bộ phận bệnh nghề nghiệp
13	Nguyễn Thị Chiên	033755/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa siêu âm, Xquang chẩn đoán	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách bộ phận Chẩn đoán hình ảnh

14	Ngô Văn Đường	003020/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Y sĩ đông y, Nhân viên Bộ phận YHCT
15	Nguyễn Thị Lan Anh	0001814/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Lương y, Nhân viên Bộ phận YHCT
16	Nguyễn Thị Hằng	000089/HNA-CCHN	Y tá điều dưỡng	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Ngoại
17	Nguyễn Thị Huyền	000105/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Điều dưỡng, nhân viên bộ phận xét nghiệm
18	Phạm Thị Thúy Hậu	000098/HNA-CCHN	Hộ sinh trung cấp	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nữ hộ sinh, nhân viên Bộ phận Sản
19	Phan Thị Lan Anh	011785/HN0-CCHN	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Điều dưỡng, nhân viên Bộ phận Mắt
20	Nguyễn Thị Lý	0003334/HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Điều dưỡng, nhân viên Bộ phận Nhi
21	Trần Thị Hà Thanh	1389/CCHN-D-SYT-HNA	- Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc - Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của tủ thuốc trạm y tế xã; - Chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Dược sĩ, Nhân viên quầy thuốc
22	Dương Thế Hà	0003687/HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh, Nội soi tai mũi họng



			BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ		
23	Nguyễn Ánh Ngọc	0004010/HNA-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên bộ phận Xét nghiệm
24	Nguyễn Văn Nhật	0003936/HNA-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo QĐ tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của Bác sĩ, bác sĩ dự phòng và y sĩ	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Y sĩ, Nhân viên Bộ phận Tai mũi họng, chụp Xquang
25	Vương Thu Hằng	0003956/HNA-CCHN		7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Răng Hàm Mặt
26	Nguyễn Thị Quyên	0003766/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng cao đẳng	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Nội
27	Phạm Văn Quang	0003995/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Y học cổ truyền
28	Nguyễn Anh Đức	472/CCHN-D-SYT-HNA	-Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở sản xuất D42; - Người phụ trách về đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất thuốc; - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc; - Người chịu trách nhiệm chuyên môn	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Phụ trách quầy thuốc

			về dược của cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.		
29	Đặng Văn Cường	0003553/HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/08/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Y sĩ, Nhân viên Bộ phận Nội
30	Nguyễn Trọng Đức	0004024/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Nhân viên Bộ phận Y học cổ truyền
31	Vũ Nguyệt Hạ	0004132/HNA-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Cử nhân xét nghiệm, Phụ trách Bộ phận xét nghiệm
32	Phạm Thị Anh Đào	022376/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản- KHHGĐ	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Nhân viên Bộ phận Sản Phụ khoa
33	Trần Quang Huy	001278/HNA-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Bác sĩ, Phụ trách khoa Nhi
34	Bùi Văn Khỏe	0020284/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số: 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Ngoại
35	Nguyễn Thị Mai Trang	0003339/HNA-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 10/2015/TTLT-	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Tai mũi họng

			BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ		
36	Lê Văn Tuấn	0002103/- HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Da liễu, khám mắt, khám tai mũi họng
37	Ngô Văn Công	0002055/HNA- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận tai mũi họng, khám da liễu, khám mắt
38	Phạm Công Quyết	0001966/HNA- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận Ngoại
39	Vũ Văn Bảo	0002107/HNA- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	7h00-20h30; T2T3T4T5T6CN	Nhân viên Bộ phận mắt, khám da liệu, khám tai mũi họng

Hà Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**



BS. Nguyễn Thị Huệ